TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 450/2026/DS-PT
Ngày: 18 - 9 - 2026
V/v: Tranh chấp di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán: 1. Bà Lưu Thị Thu Hường;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2026/TLPT-DS ngày 15/6/2026, về việc: *"Tranh chấp di sản thừa kế"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2026/DS-ST ngày 16/4/2026 của Toà án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 404/2026/QĐPT-DS, ngày 12/8/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 448/2026/QĐ-PT, ngày 08/9/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Tấn Đ2, sinh năm: 1968; địa chỉ: C N, khu phố P, phường T, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Đồng bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Tấn N, sinh năm: 1969 (đã chết năm 2024).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Tấn N: Bà Trần Thị B, sinh năm: 1970; anh Huỳnh Tấn K, sinh năm: 1991 và anh Huỳnh Tấn H, sinh năm: 1993; cùng địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (bà B và anh K có mặt, anh H vắng mặt).

2.2. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm: 1983; địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2.3. Bà Huỳnh Thị Y (tên khác: Huỳnh Thị Mỹ Y), sinh năm: 1960; địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2.4. Bà Huỳnh Thị H2, sinh năm: 1971; địa chỉ: Đường số B, thôn C, xã T, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2.5. Bà Huỳnh Thị P, sinh năm: 1964; địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2.6. Bà Huỳnh Thị H3, sinh năm: 1975; địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.2. Ông Võ Ngọc T; địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ2 trình bày có nội dung như sau:*

Cha mẹ của ông Đ2 là ông Huỳnh Tấn K1 (chết năm 2021) và bà Nguyễn Thị Đ (chết năm 2019), cha mẹ ông Đ2 có 07 người con chung là ông Huỳnh Tấn N (đã chết, ông N có vợ là bà Trần Thị B và 02 con là anh Huỳnh Tấn K và anh Huỳnh Tấn H), bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị Y, bà Huỳnh Thị H2, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị H3 và ông Huỳnh Tất Đ1.

Cha mẹ ông Đ1 chết và không để lại di chúc, nên ông Đ1 khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản cha mẹ để lại, gồm 05 thửa đất: Thửa đất số 519, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.6010m^2, đất lúa; thửa đất số 165, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.300m^2, đất màu; thửa đất số 94, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.000m^2, đất màu; thửa đất số 773, tờ bản đồ số 11, diện tích 685m^2, đất màu và thửa đất số 379, tờ bản đồ số 08, diện tích 410m^2, đất nhà ở. Tất cả các thửa đất đều ở tại thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk).

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ông Đ1 yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông K1, bà Đ để lại là nhà, đất tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 08, diện tích 89,4m^2 và thửa đất số 94, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.822,6m^2, theo sơ đồ Toà án đã đo đạc và định giá; đối với thửa đất số 379, tờ bản đồ số 08, thì ông Đ1 xin được nhận hiện vật là nhà, đất và trả giá trị cho các đồng thừa kế khác; đối với thửa đất số 94, ông Đ1 xin nhận được nhận giá trị. Đối với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế là các thửa đất số 519, 165 và 773, thì Huỳnh Tấn ông Đ2 xin rút yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**/ Quá trình giải quyết vụ án, các đồng bị đơn trình bày có nội dung như sau:*

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Tấn N là bà Trần Thị B, anh Huỳnh Tấn K và anh Huỳnh Tấn H trình bày như sau:

Về quan hệ huyết thống và các thành viên trong gia đình như nội dung ông Huỳnh Tấn Đ2 đã trình bày là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ2, thì bà B, anh K và anh H thống nhất chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với nhà, đất thuộc thửa đất số 379 và bà B, anh K, anh H có nguyện vọng xin được nhận hiện vật là nhà, đất để thờ cúng ông bà, tổ tiên và sẽ thanh toán giá trị tài sản bằng tiền cho các đồng thừa kế khác. Đối với thửa đất số 94, trước đây ông K1, bà Đ đã chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị H1 và bà Huỳnh Thị H3, nên thửa đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà H1 và bà H3, do đó không có ý kiến gì. Trường hợp có căn cứ chia di sản theo pháp luật thì đề nghị giao thửa đất số 94 này cho bà H1 và bà H3 quản lý, sử dụng vì ông K1, bà Đ đã chuyển nhượng thửa đất cho bà H1 và bà H3 bằng giấy viết tay.

- *Bà Huỳnh Thị H1 và bà Huỳnh Thị H3 trình bày:* Về quan hệ huyết thống, các thành viên trong gia đình và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ, đúng như ông Đ2 trình bày ở trên. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đ2, thì bà H1 và bà H3 đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với nhà, đất thuộc thửa đất số 379; đối với bà H1 có ý kiến là từ chối nhận phần di sản được chia, còn bà H3 xin được nhận phần di sản được chia. Đối với thửa đất số 94, trước đây cha mẹ là ông K1, bà Đ đã chuyển nhượng cho bà H1 và bà H3 bằng giấy viết tay. Vì vậy, bà H1 và bà H3 không đồng ý với yêu cầu của ông Đ2 về chia di sản thừa kế là thửa đất số 94.

- *Bà Huỳnh Thị Y, bà Huỳnh Thị H2 và bà Huỳnh Thị Phương trình B1: như sau:* Về di sản thừa kế, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, các thành viên trong gia đình và hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ là ông K1, bà Đ như ông Đ2 đã trình bày là đúng.

Ý kiến của bà Huỳnh Thị Y, bà Huỳnh Thị H2 và bà Huỳnh Thị P về yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn Đ2 như sau: Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đ2 thì thống nhất chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với nhà, đất thuộc thửa đất số 379; nguyện vọng của bà Y, bà H2 và P xin được nhận phần di sản được chia. Đối với thửa đất số 94, trước đây cha mẹ là ông K1, bà Đ đã chuyển nhượng cho bà H1 và bà H3, nên thửa đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà H1 và bà H3, do đó không có ý kiến gì. Trường hợp có căn cứ chia di sản theo pháp luật thì đề nghị Tòa án giao thửa đất số 94 này cho bà H1 và bà H3 quản lý, sử dụng vì cha mẹ đã bán cho cho bà H1 và bà H3 bằng giấy viết tay.

**/ Quá trình giải quyết vụ án người đại diện của Ủy ban nhân dân xã T trình bày có nội dung như sau:* Ông Huỳnh Tấn K1 và bà Nguyễn Thị Đ được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhiều thửa đất, trong đó có thửa đất số 379 và thửa đất số 94. Thửa đất số 379 là đất có nhà ở; các thửa đất còn lại, trong đó có thửa đất số 94 được cấp theo Nghị định số 64 của Chính Phủ cho hộ ông K1 gồm 08 thành viên trong gia đình, gồm: Ông Huỳnh Tấn K1, bà Nguyễn Thị Đ, bà Huỳnh Thị H3, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Tấn N, bà Trần Thị B, ông Huỳnh Tấn K và ông Huỳnh Tấn H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2026/DS-ST ngày 16/4/2026 của Toà án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: Điều 5, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật, đất tại các thửa: Thửa 519, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.6010m^2, đất lúa; thửa 165, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.300m^2, đất màu; thửa 773, tờ bản đồ số 11, diện tích 685m^2, đất màu. Các thửa đất đều toạ lạc tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật, đối với:

2.1. Nhà đất tại thửa 379, tờ bản đồ số 8, diện tích 89,4m^2 (nay là thửa số 1027, tờ bản đồ số 12), có vị trí: Đông giáp đất nhà bà Nguyễn Thị T1, Tây giáp đương bê tông, Nam giáp nhà đất bà Huỳnh Thị H1, Bắc giáp nhà đất bà Huỳnh Thị H3. Toạ lạc tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (kèm theo sơ đồ bản vẽ).

Giao cho anh Huỳnh Tấn K quản lý, sử dụng nhà đất tại thửa 379, tờ bản đồ số 8, diện tích 89,4m^2. Có vị trí: Đông giáp đất nhà bà Nguyễn Thị T1, Tây giáp đương bê tông, Nam giáp nhà đất bà Huỳnh Thị H1, Bắc giáp nhà đất bà Huỳnh Thị H3. Toạ lạc tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (kèm theo sơ đồ bản vẽ). Anh K có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để thực hiện các thủ tục về quản lý đất đai theo quy định pháp luật.

Anh Huỳnh Tấn K có nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Tấn Đ2, bà Huỳnh Thị Y, bà Huỳnh Thị H2, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị H3 giá trị kỷ phần thừa kế, mỗi người 76.269.000 đồng. Do kỷ phần của bà Huỳnh Thị H1 từ chối nhận và tự nguyện giao lại cho đồng bị đơn nên anh K còn có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Y, bà Huỳnh Thị H2; bà Huỳnh Thị P; bà Huỳnh Thị H3 mỗi người 15.253.800 đồng.

2.2. Đất tại thửa 94, tờ bản đồ 11, diện tích 455,6m^2 (nay là thửa 390, tờ bản đồ 17) nằm trong tổng diện tích 1.822,6m^2 của thửa 94. Có vị trí: Đông giáp đất ông V, Tây giáp đất còn lại của thửa 94, Nam giáp đất ông H4, B2 giáp suối đến đất ông Sáu T2. Toạ lạc tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (kèm theo sơ đồ bản vẽ).

Giao cho bà Huỳnh Thị H3 và bà Huỳnh Thị H1 quản lý, sử dụng diện tích 455,6m^2 nằm trong tổng diện tích 1.822,6m^2 của thửa 94, tờ bản đồ 11 (nay là thửa 390, tờ bản đồ 17). Có vị trí: Đông giáp đất ông V, Tây giáp đất còn lại của thửa 94, Nam giáp đất ông H4, B2 giáp suối đến đất ông Sáu T2. Toạ lạc tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (kèm theo sơ đồ bản vẽ). Bà Huỳnh Thị H3 và bà Huỳnh Thị H1 có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để thực hiện các thủ tục về quản lý đất đai theo quy định pháp luật.

Bà Huỳnh Thị H3 và bà Huỳnh Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Tấn Đ2 2.994.000 đồng giá trị kỷ phần thừa kế (mỗi người 1.497.000 đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Y, Huỳnh Thị H2, Huỳnh Thị P, Trần Thị B, anh Huỳnh Tấn K, anh Huỳnh Tấn H giao lại kỷ phần được nhận tương đương 260,34m^2 trong diện tích 455,6m^2 tại thửa 94 cho bà Huỳnh Thị H3 và bà Huỳnh Thị H1 quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/05/2026, nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ2 có đơn kháng cáo, với nội dung: Hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ ông hiện vẫn còn ông và các chị em khác, ông Đ2 là con trai cả; trước khi chết cha mẹ ông đã gọi ông Đ2 về và giao phó nhà đất cho ông quản lý để thờ cúng ông bà, đây là nguyện vọng của cha mẹ, nhưng không kịp làm giấy tờ và điều này cũng phù hợp với phong tục tập quán của địa phương. Hơn nữa, ngày 25/3/2026, khi ông Huỳnh Tấn N còn sống gia đình đã họp và lập biên bản thống nhất giao nhà đất cho ông Đ2 quản lý để thờ cúng và ông Đ2 sẽ thanh toán tiền lại cho ông N; việc Toà án cấp sơ thẩm nhận định cháu Huỳnh Tấn K và cháu Huỳnh Tấn H ở chung với ông bà nội, sau khi ông Huỳnh Tấn N qua đời thì cháu K và cháu H tiếp tục quản lý, sử dụng nhà từ đường, lo cúng giỗ là không đúng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án theo hướng giao nhà đất thuộc thửa đất số 379, tờ bản đồ số 8 cho ông Đ2 trực tiếp quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng cha mẹ, ông bà tổ tiên và ông Đ2 thanh toán trị giá kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ2 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao cho ông Đ2 được quyền quản lý, sử dụng di sản thừa kế là nhà, đất thuộc thửa đất số 379, tờ bản đồ số 8.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến, với nội dung: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Bản án sơ thẩm đã giao cho anh Huỳnh Tấn K quản lý, sử dụng nhà đất tại thửa 379, tờ bản đồ số 8, diện tích 89,4m^2, là có căn cứ và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, nên kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Tấn Đ2 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu,

chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đối với các đồng bị đơn là bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị H3, Huỳnh Thị Y, Huỳnh Thị H2, Huỳnh Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N1 và ông Võ Ngọc T, đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng tất cả đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ2, xét thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận nhà, đất tại thửa 379, tờ bản đồ số 8, diện tích đo đạc thực tế là 89,4m^2 tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk, là tài sản của vợ chồng ông Huỳnh Tấn K1 và bà Nguyễn Thị Đ đã chết để lại, thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/5/1997, đứng tên ông Huỳnh Tấn K1. Năm 2019, bà Nguyễn Thị Đ chết và năm 2021, ông Huỳnh Tấn K1 chết, cả bà Đ và ông K1 không để lại di chúc. Ông Huỳnh Tấn K1 và bà Nguyễn Thị Đ có 07 người con là: Ông Huỳnh Tấn Đ2, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị Y, bà Huỳnh Thị H2, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị H3 và ông Huỳnh Tấn N. Quá trình giải quyết vụ án, thì ông N đã chết vào năm 2024 và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N là bà Trần Thị B (vợ) và 02 con là anh Huỳnh Tấn K và anh Huỳnh Tấn H. Cha mẹ của ông Huỳnh Tấn K1 và bà Nguyễn Thị Đ đều đã chết. Bản án sơ thẩm xác định căn nhà và đất thuộc thửa 379, tờ bản đồ số 8 nêu trên là di sản thừa kế và quyết định phân chia theo pháp luật, chia thành 07 kỷ phần bằng nhau cho 07 người con của ông K1 và bà Đ là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Đối với kỷ phần thừa kế của ông Huỳnh Tấn N (đã chết) được giao cho những người thừa kế là vợ và con của ông N là bà Trần Thị B, anh Huỳnh Tấn K và anh Huỳnh Tấn H nhận, là phù hợp.

[2.2] Về yêu cầu của ông Huỳnh Tấn Đ2 được nhận quản lý, sử dụng di sản thừa kế là căn nhà và đất thuộc thửa 379, tờ bản đồ số 8, và sẽ thanh toán trị giá kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác, xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các đồng thừa kế là bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị Y, bà Huỳnh Thị H2, bà Huỳnh Thị P và bà Huỳnh Thị H3 đều trình bày thống nhất, với nội dung: Khi cha mẹ là ông K1, bà Đ còn sống thì con trai của ông Huỳnh Tấn N là anh Huỳnh Tấn H là người ở cùng với ông K1, bà Đ tại nhà đất thuộc thửa 379, tờ bản đồ số 8; khi ông K1 và bà Đ chết, thì anh N là người lo tang lễ và việc thờ phụng, cúng giỗ ông bà và sau khi ông Huỳnh Tấn N chết thì anh Huỳnh Tấn K và anh Huỳnh Tấn H (là con ông N) tiếp tục quản lý căn căn nhà ông bà nội để lại và thực hiện việc thờ phụng, cúng giỗ. Ngoài ra, tại các Biên bản họp gia đình về việc tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 24/12/2022 và ngày 27/3/2023 (sau khi ông K1, bà Đ chết), thì các đồng thừa kế là bà Huỳnh Thị Y, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị H2, bà Huỳnh Thị H3, Huỳnh Thị H1 và ông Huỳnh Tấn N, đều thống nhất ý

kiến là tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản trên đất này cho con trai ông N là anh Huỳnh Tấn H để quản lý sử dụng và thờ cúng ông bà, tổ tiên.

Đồng thời quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh về điều kiện, nhu cầu chỗ ở của ông Huỳnh Tấn Đ2 và tại Biên bản làm việc, Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị phường T, tỉnh Đắk Lắk và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - khu vực T, đã cung cấp thông tin với nội dung: Ông Huỳnh Tấn Đ2 đã có nhà ở ổn định và có quyền sử dụng đất ở tại thửa 832, tờ bản đồ số 255C, tại địa chỉ số C đường N, phường T, tỉnh Đắk Lắk, đã được Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/6/2008. Như vậy, ông Đ2 đã có nhà ở ổn định nên nguyện vọng được nhận di sản là hiện vật, là không cần thiết. Đối với ý kiến của ông Đ2 cho rằng khi ông Huỳnh Tấn N còn sống thì các anh chị em trong gia đình có lập Biên bản họp gia đình vào ngày 25/3/2023, thống nhất giao nhà đất cho ông Đ2 quản lý thờ cúng ông bà, cha mẹ và ông Đ2 thanh toán tiền lại cho ông N. Tuy nhiên, biên bản họp thiếu người thừa kế là bà Huỳnh Thị H2 và sau thời điểm lập biên bản trên, đến ngày 27/3/2023, thì các đồng thừa kế là bà Huỳnh Thị Y, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị H2, bà Huỳnh Thị H3, Huỳnh Thị H1 và ông Huỳnh Tấn N, đã họp và thống nhất tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản trên đất này cho con trai ông Huỳnh Tấn N quản lý sử dụng và thờ cúng ông bà, tổ tiên. Đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm, ngoài ông Đ2 thì các đồng thừa kế còn lại đều có ý kiến thống nhất là giao di sản thừa kế là nhà đất cho anh Huỳnh Tấn K quản lý, sử dụng. Như vậy các đồng thừa kế đã thay đổi ý kiến về việc giao quản lý di sản thừa kế, nên không thể căn cứ vào Biên bản họp gia đình vào ngày 25/3/2023 để quyết định việc giao quản lý di sản thừa kế, theo như ý kiến ông Đ2 đã trình bày.

[3] Như vậy, di sản thừa kế của ông Huỳnh Tấn K1 và bà Nguyễn Thị Đ để lại là căn nhà và đất thuộc thửa 379, tờ bản đồ số 8, diện tích đo đạc thực tế là 89,4m^2 (theo bản đồ năm 2012, là thửa đất số 1027, tờ bản đồ số 12), có giá trị là 533.884.874 đồng và được chia cho 7 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 76.269.000 đồng và chia cho 7 người con của của ông Huỳnh Tấn K1 và bà Nguyễn Thị Đ, gồm các ông, bà: Huỳnh Tấn Đ2, Huỳnh Thị H1, Huỳnh Thị Y, Huỳnh Thị H2, Huỳnh Thị P, Huỳnh Thị H3 và Huỳnh Tấn N. Đối với ông Huỳnh Tấn N (đã chết năm 2024) nên kỷ phần thừa kế của ông N được giao cho những người thừa kế là bà Trần Thị B (là vợ) và 02 con là anh Huỳnh Tấn K và anh Huỳnh Tấn H, đồng thời bà B, anh K và anh H đều thống nhất ý kiến giao cho anh K đại diện nhận kỷ phần thừa kế của ông N; người thừa kế bà Huỳnh Thị H1 đã từ chối nhận thừa kế và tự nguyện giao kỷ phần thừa kế của mình cho các đồng thừa kế là bà Huỳnh Thị H3, bà Huỳnh Thị Y, Huỳnh Thị H2, Huỳnh Thị P và ông Huỳnh Tấn N. Xét thấy, thửa đất có diện tích nhỏ nên việc chia thừa kế bằng hiện vật là không phù hợp trên thực tế và không đảm bảo quy định của pháp luật về quản lý đất đai, đồng thời các đồng thừa kế (trừ ông Đ2) đều thống nhất ý kiến giao nhà đất cho anh K quản lý, sử dụng. Do đó, bản án sơ thẩm đã giao cho anh Huỳnh Tấn K quyền quản lý, sở hữu và sử dụng căn nhà và đất thuộc thửa đất 379, tờ bản đồ số 8, diện tích đo đạc thực tế là 89,4m^2 và anh K có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế của di sản thừa kế cho ông Huỳnh Tấn Đ2, bà Huỳnh Thị Y, bà

Huỳnh Thị H2, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị H3, mỗi người 76.269.000 đồng, là có cơ sở và phù hợp với pháp luật. Như vậy, kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ2 là không có cơ sở chấp nhận và cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, là phù hợp.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là ông Huỳnh Tấn Đ2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ2; giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2026/DS-ST ngày 16/4/2026 của Toà án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk.

Áp dụng: Các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 27 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ2 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với tài sản là:

1.1. Căn nhà và đất thuộc thửa 379, tờ bản đồ số 8, diện tích 89,4m^2 (nay là thửa đất số 1027, tờ bản đồ số 12) tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (Theo sơ đồ bản vẽ trích đo địa chính do Công ty trách nhiệm hữu hạn K2, chi nhánh P1 lập ngày 29/5/2025), có giá trị là 533.884.874 đồng.

Giao cho anh Huỳnh Tấn K được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng tài sản là nhà và quyền sử dụng đất thuộc thửa 379, tờ bản đồ số 8, diện tích 89,4m^2 (nay là thửa đất số 1027, tờ bản đồ số 12); địa chỉ thửa đất tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk; thửa đất có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất nhà bà Nguyễn Thị T1; phía Tây giáp đường bê tông; phía Nam giáp nhà đất bà Huỳnh Thị H1; phía Bắc giáp nhà đất bà Huỳnh Thị H3 (Theo sơ đồ bản vẽ trích đo địa chính do Công ty trách nhiệm hữu hạn K2, chi nhánh P1 lập ngày 29/5/2025).

Anh Huỳnh Tấn K được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để thực hiện các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Anh Huỳnh Tấn K có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế của di sản thừa kế cho ông Huỳnh Tấn Đ2, bà Huỳnh Thị Y, bà Huỳnh Thị H2, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị H3, mỗi người số tiền là 76.269.000 đồng.

Đối với kỷ phần thừa kế của bà Huỳnh Thị H1 từ chối nhận và tự nguyện giao lại cho các đồng bị đơn, nên anh K còn có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị Y, bà Huỳnh Thị H2, bà Huỳnh Thị P và bà Huỳnh Thị H3, mỗi người số tiền là 15.253.800 đồng.

1.2. Quyền sử dụng đất có diện tích 455,6m^2 nằm trong tổng diện tích đất 1.822,6m^2 thuộc thửa đất số 94, tờ bản đồ 11 (nay là thửa số 390, tờ bản đồ số 17) tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (Theo sơ đồ bản vẽ trích đo địa chính do Công ty trách nhiệm hữu hạn K2, chi nhánh P1 lập ngày 29/5/2025), có giá trị là 20.957.600 đồng.

Giao cho bà Huỳnh Thị H3 và bà Huỳnh Thị H1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích 455,6m^2 nằm trong tổng diện tích đất 1.822,6m^2 thuộc thửa đất số 94, tờ bản đồ 11 (nay là thửa số 390, tờ bản đồ số 17) tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk, có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất ông V; phía Tây giáp phần đất còn lại của thửa 390; phía Nam giáp đất ông H4; phía Bắc giáp suối đến đất ông Sáu T2 (Theo sơ đồ bản vẽ trích đo địa chính do Công ty trách nhiệm hữu hạn K2, chi nhánh P1 lập ngày 29/5/2025).

Bà Huỳnh Thị H3 và bà Huỳnh Thị H1 có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để thực hiện các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Bà Huỳnh Thị H3 và bà Huỳnh Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế của di sản thừa kế cho ông Huỳnh Tấn Đ2 số tiền là 2.994.000 đồng (mỗi người là 1.497.000 đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Y, bà Huỳnh Thị H2, bà Huỳnh Thị P, bà Trần Thị B, anh Huỳnh Tấn K và anh Huỳnh Tấn H đồng ý giao lại trị giá kỷ phần được nhận tương đương 260,34m^2 trong diện tích 455,6m^2 cho bà Huỳnh Thị H3 và bà Huỳnh Thị H1 quản lý, sử dụng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với các tài sản là: Thửa đất số 519, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.6010m^2, đất lúa; thửa đất số 165, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.300m^2, đất màu; thửa đất số 773, tờ bản đồ số 11, diện tích 685m^2, đất màu; các thửa đất đều toạ lạc tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, tổng cộng là 15.000.000 đồng, nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ2 đã nộp

tạm ứng và đã chi phí xong. Các đương sự phải chịu như sau: Ông Huỳnh Tấn Đ2 phải chịu 1/7 số tiền chi phí tố tụng là 2.143.000 đồng; bà Huỳnh Thị Y, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị H2, bà Huỳnh Thị H3, bà Huỳnh Thị H1 và anh Huỳnh Tấn K, mỗi người phải chịu số tiền 1/7 số tiền chi phí tố tụng là 2.143.000 đồng, để hoàn trả cho ông Huỳnh Tấn Đ2.

Ông Huỳnh Tấn Đ2 được nhận lại 12.858.000 đồng tiền tạm ứng chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản sản sau khi thu được của bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị H2, bà Huỳnh Thị H3, bà Huỳnh Thị H1 và anh Huỳnh Tấn K.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Y, Bà Huỳnh Thị H2, bà Huỳnh Thị P và anh Huỳnh Tấn K, mỗi người phải chịu 3.813.000 đồng; bà Huỳnh Thị H3 phải chịu 3.963.000 đồng; bà Huỳnh Thị H1 phải chịu 300.000 đồng; ông Huỳnh Tấn Đ2 phải chịu 3.963.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Đ2 đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu số 0010608 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 - Đắk Lắk), ông Đ2 còn phải nộp 3.663.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Tấn Đ2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Đ2 đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu số 0005815 ngày 25/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao (Vụ 2);
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 14 - Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Bình